Đề thi Đại lý thuế 2024 môn Kế toán

# Phần I: Lý thuyết (4 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Trình bày:
1. Các yêu cầu đối với thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.
2. Nội dung và nguyên tắc của kế toán bán hàng đối với các trường hợp công ty bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Gợi ý giải:
1. Theo Thông tư số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính thì yêu cầu đối với thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính của doanh nghiệp phải đảm bảo:
\* Thông tin trình bày đảm bảo đầy đủ, trung thực, khách quan và không có sai sót để phản ánh đúng, hợp lý về tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
\* Thông tin tài chính phải thích hợp giúp cho người sử dụng dễ dàng dự đoán, phân tích và đưa ra các quyết định kinh tế.
\* Thông tin tài chính phải được trình bày đầy đủ theo khía cạnh trọng yếu.
\* Thông tin tài chính phải đảm bảo kịp thời, dễ hiểu và có thể kiểm chứng.
\* Thông tin tài chính phải được trình bày nhất quán và có thể so sánh giữa các kỳ kế toán, so sánh được giữa các doanh nghiệp nhỏ và vừa với nhau.
\* Các chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày trên Báo cáo tài chính. Doanh nghiệp được chủ động đánh lại số thứ tự của các chỉ tiêu theo nguyên tắc liên tục trong mỗi phần.
2. Bán hàng theo trả chậm, trả góp là phương thức bán hàng trực tiếp nhưng tiền hàng sẽ được người mua thanh toán một số tiền nhất định ngay tại thời điểm mua, số tiền còn lại sẽ được thanh toán thành nhiều lần ở các kỳ tiếp theo. Nếu mua hàng theo hình thức này, người mua sẽ phải chịu một khoản phí trả góp được gọi là lãi trả góp. Kế toán phản ánh doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay chưa có thuế, ghi:
\* Nợ TK 131 – Phải thu của khách hàng
\* Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5111, 5115, 5117) (Giá bán trả tiền ngay chưa có thuế GTGT)
\* Có TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (3331, 3332) (Thuế GTGT phải nộp)
\* Có TK 3387 – Doanh thu chưa thực hiện (chênh lệch giữa tổng số tiền theo giá bán trả chậm, trả góp với giá bán trả tiền ngay chưa có thuế GTGT).
Khi thu được tiền bán hàng, ghi:
\* Nợ các TK 111, 112,…
\* Có TK 131 – Phải thu của khách hàng
Định kỳ, ghi nhận doanh thu tiền lãi bán hàng trả góp trả chậm, trong kỳ, ghi:
\* Nợ TK 3387 – Doanh thu chưa thực hiện
\* Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (lãi trả chậm, trả góp).

Câu 2 (2 điểm): Trình bày:
1. Cách xác định giá gốc của nguyên vật liệu mua ngoài và giá gốc nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Cho ví dụ minh họa xác định giá gốc nguyên vật liệu mua ngoài.
2. Nội dung và phương pháp lập chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Gợi ý giải:
1. Kế toán nhập, xuất, tồn kho nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ phải được thực hiện theo nguyên tắc giá gốc quy định trong chuẩn mực “Hàng tồn kho”. Nội dung giá gốc của nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ được xác định theo từng nguồn nhập:
\* Giá gốc của nguyên vật liệu mua ngoài bao gồm:
 \* Giá mua ghi trên hóa đơn.
 \* Thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT hàng nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường (nếu có).
 \* Chi phí liên quan gồm: bảo quản, vận chuyển, bốc xếp, phân loại, bảo hiểm,… nguyên liệu, vật liệu từ nơi mua về đến kho của doanh nghiệp, công tác phí của cán bộ thu mua, chi phí của bộ phận thu mua độc lập, các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc thu mua nguyên vật liệu.
 \* Số hao hụt tự nhiên trong định mức (nếu có).
\* Giá gốc của nguyên liệu, vật liệu thuê ngoài gia công chế biến bao gồm:
 \* Giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất thuê ngoài gia công chế biến.
 \* Chi phí vận chuyển vật liệu đến nơi chế biến và từ nơi chế biến về doanh nghiệp.
 \* Tiền thuê ngoài gia công chế biến.
\* Ví dụ minh họa về xác định giá gốc của nguyên vật liệu mua ngoài: Công ty A mua nguyên vật liệu B từ nhà cung cấp C với giá mua hàng là 12.000.000 VNĐ. Công ty A phải trả thêm 10% thuế GTGT(VAT) và 5% phí vận chuyển. Trường hợp này, giá gốc của nguyên vật liệu B mà công ty A sẽ sử dụng để tính toán giá vốn là: Giá gốc = giá mua hàng + Thuế VAT + chi phí vận chuyển.
 => Giá gốc = 12.000.000 VNĐ + (12.000.000 VNĐ x 10%) + (12.000.000 VNĐ x 5%) = 12.000.000 VNĐ + 1.200.000 VNĐ + 600.000 VNĐ = 13.800.000 VNĐ.
2. Nội dung và phương pháp lập chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC:
\* Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01):
 \* Nội dung: Bao gồm tổng doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, bất động sản đầu tư, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác trong năm báo cáo của DN.
 \* Phương pháp lập: Lũy kế phát có tài khoản 511 đối ứng nợ tài khoản 111, 112. 131,….
\* Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02):
 \* Nội dung: Là tổng hợp các khoản được ghi giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm, bao gồm: Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ báo cáo.
 \* Phương pháp lập: Lũy kế phát sinh bên Nợ TK 511 đối ứng có tài khoản 521.
\* Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10):
 \* Nội dung: Là chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với khoản giảm trừ doanh thu. Mã số 10 = Mã số 01 – Mã số 02.
 \* Phương pháp lập: Tổng giá trị kết chuyển Nợ tài khoản 511 đối ứng có tài khoản 911 cuối kỳ.
\* Giá vốn hàng bán (Mã số 11):
 \* Nội dung: Là các loại chi phí cấu thành nên sản phẩm như: Chi phí nhân công, chi phí nguyên vật liệu, chi phí khấu hao, các chi phí khác,….
 \* Phương pháp lập: Tổng giá trị kết chuyển Nợ tài khoản 911 đối ứng có tài khoản 632 cuối kỳ.
\* Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 20):
 \* Nội dung: Là chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ với giá vốn bán hàng. Mã số 20 = Mã số 10 – Mã số 11).

# Phần II: Bài tập (6 điểm)

Câu 1 (4 điểm): Trích một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh của Công ty Gia Huy trong Quý II/N như sau: (Đơn vị tính: 1.000 đồng).
1. Công ty mang tài sản cố định (TSCĐ) vô hình A mang đi đổi lấy TSCĐ B. Nguyên giá của TSCĐ A là 600.000, giá trị khấu hao lũy kế của TSCĐ A là 470.000, giá trị hợp lý chưa có thuế GTGT của TSCĐ A là 190.000, thuế GTGT 10%. Giá trị hợp lý chưa có thuế GTGT của TSCĐ B là 400.000, thuế GTGT 10%. Công ty đã chuyển tiền gửi ngân hàng trả cho đối tác toàn bộ phần chênh lệch giá trị do trao đổi TSCĐ.
2. Vay ngắn hạn ngân hàng mua một lô vật liệu C về nhập kho, giá vật liệu niêm yết chưa có thuế GTGT là 500.000, thuế GTGT 10%. Do mua vật liệu với khối lượng lớn nên Công ty đã được người bán cho hưởng khoản chiết khấu thương mại 1% trừ trực tiếp vào giá mua vật liệu phi trên hóa đơn. Vật liệu X đã về nhập kho đủ.
3. Công ty D đã chấp nhận thanh toán cho lô hàng mà Công ty đã gửi đi bán từ kỳ trước, giá vốn hàng gửi bán là 530.000, giá bán lô hàng chưa có thuế GTGT là 600.000, thuế GTGT 10%. Công ty đã thanh toán ngay 50% giá trị lô hàng bằng tiền gửi ngân hàng, số còn lại Công ty thanh toán sau 15 ngày kể từ ngày giao hàng.
4. Nhận được Giấy báo Có của Ngân hàng về khoản nợ phải thu khó đòi của Công ty X đã xử lý xóa sổ nay đòi được, số tiền là 120.000.
5. Công ty chuyển 20.000 USD bằng tiền gửi ngân hàng để trả nợ khoản vay ngắn hạn ngân hàng, tỷ giá ghi sổ của khoản nợ vay là 1 USD = 23.100 đồng, tỷ giá ghi số của tiền gửi ngân hàng là 1 USD = 23.150 đồng, tỷ giá giao dịch thực tế là 1 USD = 23.200 đồng.
6. Xuất kho nguyên liệu Y chuyển đến Công ty M để thuê gia công chế biến, giá xuất kho nguyên liệu là 150.000.
7. Phân bổ chi phí sửa chữa lớn TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ như sau:
 \* Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phân bổ cho bộ phận sản xuất sản phẩm là 25.000
 \* Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phân bổ cho bộ phận bán hàng là 10.000
 \* Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phân bổ cho bộ phận quản lý doanh nghiệp là 15.000
8. Khách hàng M trả tiền thuê bất động sản đầu tư trong kỳ bằng tiền gửi ngân hàng, giá cho thuê bất động sản đầu tư trong kỳ chưa có thuế GTGT là 120.000, thuế GTGT 10%, chi phí khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ là 70.000.
9. Cuối quý 30/6/N, công ty kiểm tra phát hiện thiếu Vật liệu M và dụng cụ X bị thiếu, đều chưa rõ nguyên nhân chờ xử lý:
 \* Vật liệu M bị thiếu 500kg, giá trị là 40.000
 \* Dụng cụ X bị thiếu 100 chiếc, giá trị là 25.000.
10. Cuối kỳ, trích lập bổ sung các khoản dự phòng tổn thất tài sản như sau:
 \* Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, số tiền là 40.000
 \* Dự phòng nợ phải thu khó đòi, số tiền là 55.000
 \* Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, số tiền là 25.000